TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2017/DSST Ngày 26 - 9 - 2017 V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hải Biển – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nay San - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 11/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2017 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Bị đơn*: Chị Võ Thị Thu A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 13/01/2013 chị A có đến cửa hàng tôi mua 01 xe máy Novo LX và một số hàng hóa khác. Đến ngày 05/11/2015 sau khi tính toán thì chị A còn nợ tôi tổng cộng là 24.500.000 đồng. Chị A hẹn mỗi tháng trả tôi 2.000.000 đồng. Sau đó, chị A đã trả cho tôi được 13.750.000 đồng tính đến ngày 04/4/2016 và còn nợ lại 10.750.000 đồng thì chị A không trả nợ cho tôi nữa. Mặc dù tôi đã đi đòi nhiều lần nhưng chị A không chịu trả số tiền còn lại.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pa buộc chị Võ Thị Thu A phải trả cho tôi số tiền nợ còn lại là 10.750.000 đồng (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tôi không yêu cầu tính lãi.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2017 chị Võ Thị Thu A có quan điểm:

Tôi công nhận trước đây có mua xe mô tô và hàng hóa tại nhà chị H tính đến ngày 05/11/2015 tôi còn nợ chị H số tiền 24.500.000 đồng. Tôi có hẹn mỗi tháng trả cho chị H 2.000.000 đồng. Sau đó thì tôi đã trả được 13.750.000 đồng cho chị H và còn nợ lại số tiền 10.750.000 đồng chưa trả được vì do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nay chị H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc tôi phải trả số tiền nợ này thì tôi có nguyện vọng được lùi lại thời gian trả nợ vì hoàn cảnh gia đình đang rất khó khăn.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; Các đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là:

Căn cứ vào chứng cứ là giấy hẹn nợ tiền và lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, khẳng định giữa chị H và chị A có việc mua bán xe mô tô và hàng hóa và xác lập bằng văn bản cụ thể là giấy hẹn nợ với nội dung chị A nhận nợ chị H số tiền 24.500.000 đồng vào ngày 05/11/2015 và hẹn mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ 09/11/2015 đến ngày 04/4/2016 thì chị A đã trả cho chị H được 13.750.000 đồng và còn nợ lại 10.750.000 đồng. Chị A công nhận là có thật. Như vậy, việc chị A xác lập giao dịch với chị H, có thỏa thuận phương thức, thời gian trả nợ nhưng nhưng mới trả được 13.750.000 đồng và không tiếp tục trả nợ cho chị H như đã cam kết, chị H đã đi đòi nhiều lần nhưng chị A không trả là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết quy định tại các Điều 280, 281, 282, 285, 290, 428, 438 của Bộ luật dân sự 2005.

Xét hợp đồng trên là một hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn chị H khởi kiện yêu cầu chị A trả số tiền còn nợ 10.750.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên tôi không đề cập đến.

Bởi các lẽ trên: Áp dụng Điều 26, 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 280, 281, 282, 285, 290, và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005. Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Buộc bị đơn chị Võ Thị Thu A phải có nghĩa vụ trả cho chị H với số tiền còn nợ là 10.750.000 đồng.

Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị A phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn chị Võ Thị Thu A không đến không tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa. Việc chị Võ Thị Thu A nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và còn gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Chị A phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào chứng cứ là "Giấy hẹn nợ" được lập thành văn bản vào ngày 05/11/2015; căn cứ vào lời khai của các đương sự; tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: giữa chị Phạm Thị H và chị Võ Thị Thu A có việc mua bán xe mô tô và hàng hóa với nhau và có xác lập bằng văn bản cụ thể là "Giấy hẹn nợ" ngày 05/11/2015 chị A nhận nợ chị H số tiền 24.500.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, giấy hẹn nợ do chị H viết và chị A ghi Võ Thị Thu A bên dưới. Sau đó, chị A đã trả cho chị H được 13.750.000 đồng tính đến ngày 04/4/2016 và còn nợ lại 10.750.000 đồng thì chị A không tiếp tục trả tiền nợ cho chị H. Bị đơn không phản đối tình tiết này vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật. Việc chị Võ Thị Thu A không tiếp tục trả số tiền còn nợ

cho chị Phạm Thị H là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 280, 281, 282, 285, 286, 290, 302, 428, 429 và 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét hợp đồng mua bán tài sản nêu trên là một hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn chị A vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua tài sản, nên việc khởi kiện của nguyên đơn chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Xét quan điểm của chị A trong biên bản lấy lời khai thì chị A đều đồng ý, thừa nhận có mua xe mô tô và hàng hóa của chị H còn nợ tổng cộng số tiền là 24.500.000 đồng. Sau đó, chị A đã trả cho chị H được 13.750.000 đồng tính đến ngày 04/4/2016 và còn nợ lại 10.750.000 đồng, chưa trả được vì do hoàn cảnh khó khăn. Nay chị A xin được từ từ trả số tiền nợ này cho chị H nhưng chị H không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận quan điểm của chị A.

Từ đánh giá và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc xử buộc bị đơn chị Võ Thị Thu A phải trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị H số tiền còn nợ là 10.750.000 đồng (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp và có cơ sở pháp lý.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Do yêu cầu của nguyên đơn chị H được chấp nhận nên bị đơn chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật tương ứng với khoản tiền mà hiện nay chị A còn nợ chị H là 10.750.000 đồng x 5% = 537.500 đồng (Năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Hoàn trả cho chị H toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 280, 281, 282, 285, 290, 302, 305, 428, 429 và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Phạm Thị H.

Buộc chị Võ Thị Thu A phải trả cho chị Phạm Thị H tổng số tiền còn nợ là: 10.750.000 đồng (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi tương ứng với số tiên còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Buộc chị Võ Thị Thu A phải nộp 10.750.000 đồng x 5% = 537.500 đồng (Năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp là 268.750 đồng (Hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0005837 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2017), còn bị đơn chị Võ Thị Thu A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia lai (01 bản);
- VKSND h.Krông Pa (02 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Chi cục THADS h.Krông Pa (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toản